

Số: ~~6831~~ KH-UBND

Vinh Phúc, ngày 10 tháng 9 năm 2018

## **KẾ HOẠCH**

**Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc giai đoạn 2018-2025 để thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở trong tình hình mới; Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế triển khai thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Vinh Phúc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2018-2025, cụ thể như sau:

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung**

Đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; đảm bảo cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh cho từng người dân trên địa bàn, cung ứng dịch vụ theo hướng toàn diện, liên tục, phối hợp lồng ghép chặt chẽ giữa dự phòng và điều trị, giữa các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh và với tuyến trên. Tập trung nguồn lực đầu tư, hoàn chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị cho y tế cơ sở để đủ điều kiện thực hiện được hầu hết các kỹ thuật theo phân tuyến và một số kỹ thuật tuyến trên. Chú trọng công tác đào tạo nhân lực và chuyển giao kỹ thuật cho tuyến y tế cơ sở, góp phần giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên, bảo đảm công bằng, hiệu quả trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **a) Đến năm 2020:**

- 100% trung tâm Y tế huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là TTYT huyện) thực hiện được trên 80% kỹ thuật của tuyến huyện, trên 10% kỹ thuật của tuyến trên;
- 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là trạm y tế xã) đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã;
- Ít nhất 90% số trạm y tế xã được phép khám chữa bệnh có đủ điều kiện khám, chữa bệnh BHYT;
- Thực hiện được tối thiểu 80% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã; đối với các xã vùng 2, vùng 3.

- Phân đầu 90% dân số trên địa bàn tỉnh được quản lý, theo dõi sức khỏe;
- Triển khai thí điểm 30% trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh thực hiện lồng ghép, bổ sung nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ gia đình.

**b) Đến năm 2025:**

- 100% TTYT huyện thực hiện được tối thiểu 90% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến huyện, thực hiện được 15% kỹ thuật của tuyến trên;
- Duy trì 100% xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã;
- 100% số trạm y tế xã thực hiện được đầy đủ các nội dung của chăm sóc sức khỏe ban đầu theo quy định của Bộ Y tế về phân vùng;
- 100% số trạm y tế xã được phép khám chữa bệnh có đủ điều kiện khám, chữa bệnh BHYT;
- Thực hiện được tối thiểu 90% danh mục dịch vụ kỹ thuật của tuyến xã đối với các xã thuộc vùng 2, vùng 3;
- 100% dân số được quản lý, theo dõi sức khỏe;
- 100% trạm y tế tuyến xã trên địa bàn tỉnh triển khai lồng ghép, bổ sung nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ gia đình.

*(Chi tiết tỷ lệ danh mục kỹ thuật thực hiện theo phân tuyến tại Phụ lục 1)*

## **II. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

1. Phạm vi: Y tế cơ sở, gồm: Y tế huyện, thành phố; y tế xã, phường, thị trấn và y tế thôn, bản.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2018-2025.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Củng cố, hoàn thiện tổ chức của mạng lưới y tế cơ sở**

a) Triển khai thực hiện tốt mô hình TTYT huyện đa chức năng theo Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế.

Thành lập Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Tường quy mô 250 GB trên cơ sở nâng cấp và hoàn chỉnh cơ sở vật chất của TTYT huyện Vĩnh Tường hiện đang là hạng II đối với khối khám chữa bệnh vào năm 2020; kiện toàn Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Tường sau khi thành lập Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Tường.

Thành lập bệnh viện đa khoa khu vực Lập Thạch 200 GB trên cơ sở nâng cấp và hoàn chỉnh cơ sở vật chất TTYT huyện Lập Thạch hiện đang là hạng II đối với khối khám chữa bệnh vào năm 2025, kiện toàn Trung tâm Y tế huyện Lập Thạch sau khi thành lập Bệnh viện đa khoa khu vực Lập Thạch.

b) Rà soát, sắp xếp lại Phòng khám đa khoa khu vực, chỉ để lại các Phòng khám đa khoa khu vực ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, có khả năng đáp ứng tốt dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Thời gian thực hiện: Năm 2019.

c) Rà soát, phân loại và triển khai hoạt động các trạm y tế theo vùng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và theo quy định của Bộ Y tế tại Quyết

định số 4667/QĐ-BYT để có cơ chế đầu tư và triển khai các hoạt động chuyên môn cho phù hợp. Thời gian thực hiện: Năm 2018.

d) rà soát, bố trí, điều chuyển, sắp xếp nhân lực tuyến y tế cơ sở, đảm bảo phù hợp về số lượng, chức danh chuyên môn theo vị trí việc làm và tình hình thực tế.

## **2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở**

### **a) TTYT tuyến huyện:**

- Nâng cao năng lực phòng bệnh; kiểm soát dịch, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phát triển các dịch vụ kỹ thuật tại tuyến và vượt tuyến để đạt chỉ tiêu tỷ lệ kỹ thuật thực hiện theo phân tuyến.

- Triển khai một số khoa vệ tinh ở TTYT huyện của các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh. Phối hợp với cơ quan BHXH cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh BHYT. Xây dựng cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp.

- Khuyến khích TTYT huyện liên kết với các Bệnh viện tuyến Trung ương, tuyến tỉnh để nhận chuyển giao gói kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến trên; tăng cường chuyển giao kỹ thuật cho trạm y tế xã nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển dịch vụ kỹ thuật ở tuyến cơ sở, cung cấp dịch vụ chất lượng đến người dân, giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên.

### **b) Các trạm y tế xã:**

- Thực hiện quản lý sức khỏe toàn dân: Lập hồ sơ sức khỏe và tổ chức theo dõi quản lý sức khỏe đến từng người dân, mỗi người dân có 01 hồ sơ sức khỏe điện tử tại trạm y tế xã theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, từng bước theo dõi toàn diện, liên tục, tư vấn về sức khỏe, chăm sóc giảm nhẹ, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, người khuyết tật...; phòng chống các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm, đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh mạn tính; chú trọng dự phòng, sàng lọc, phát hiện sớm, quản lý, điều trị chăm sóc tại trạm y tế xã.

- Tổ chức hoạt động trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình; lồng ghép với hoạt động của phòng khám bác sỹ gia đình; tăng cường quản lý thai nghén, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ trẻ em; kết nối chuyển người bệnh lên tuyến trên.

- Tiếp tục triển khai công tác y tế học đường gắn với trạm y tế xã để trạm y tế thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, cập nhật các thông tin về sức khỏe vào sổ điện tử của từng học sinh.

c) Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật về y, dược cổ truyền tại tuyến y tế cơ sở; tăng cường công tác phòng bệnh và khám chữa bệnh bằng y dược cổ truyền; kết hợp điều trị y học cổ truyền và y học hiện đại. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế, hóa chất, vắc xin, sinh phẩm cho công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh ở tuyến cơ sở.

d) Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập trên địa bàn, có cơ chế khuyến khích y tế tư nhân tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

e) Thực hiện tin học hóa các hoạt động của y tế cơ sở và quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe của từng người dân. Đồng bộ và kết nối hệ thống thông tin giữa y tế xã với y tế huyện để theo dõi, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn; xây dựng và triển khai thực hiện bệnh án điện tử; quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế xã, huyện.

g) Các cơ sở y tế tuyến huyện; y tế xã, phường, thị trấn; y tế thôn bản phải tích cực tham gia các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân để bảo vệ và nâng cao sức khỏe, các hoạt động về y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu.

### **3. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế để hoàn thiện, nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở**

a) Đối với y tế tuyến huyện: Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống y tế tuyến huyện về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế để bảo đảm việc phòng bệnh, khám bệnh, chữa, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

b) Đối với trạm y tế xã: Ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ các trạm y tế xã thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Nghị quyết số 94/2013/NQ-HĐND ngày 16/7/2013, Nghị quyết số 154/2014/NQ-HĐND ngày 22/12/2014, Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh.

### **4. Đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động của y tế cơ sở**

a) Hoàn thành lộ trình BHYT toàn dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh (đạt trên 90% dân số tham gia BHYT).

b) Thực hiện rà soát, phân loại và giao quyền tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính cho khối khám chữa bệnh của các TTYT huyện, đảm bảo công khai, minh bạch, có sự kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền. Đề xuất tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ đối với đơn vị thực hiện tự chủ toàn bộ chi thường xuyên sớm hơn so với lộ trình quy định.

c) Tiếp tục rà soát, phê duyệt danh mục dịch vụ kỹ thuật, danh mục thuốc BHYT, danh mục trang thiết bị y tế tại tuyến y tế cơ sở đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và thực tế của từng địa phương, để tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế đối với người dân.

d) Triển khai chi trả chi phí thực hiện gói dịch vụ y tế cơ bản cho y tế cơ sở, gồm: Gói dịch vụ y tế cơ bản do quỹ BHYT chi trả; đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ hoặc khoán đối với “Gói dịch vụ y tế cơ bản do ngân sách nhà nước chi trả” theo Thông tư số 39/2017/TT-BYT ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế.

e) Có lộ trình tăng đầu tư ngân sách Nhà nước cho y tế; ưu tiên phân bổ ngân sách Nhà nước cho y tế cơ sở, y tế dự phòng; huy động các nguồn đầu tư của xã hội cho y tế.

g) Triển khai thực hiện mức giá, cơ chế thanh toán BHYT đối với phòng khám bác sỹ gia đình khi có hướng dẫn của Trung ương; khám bệnh tại nhà cho một số trường hợp và đối tượng đặc biệt; khám và tư vấn sức khỏe, thăm khám kiểm tra sức khỏe tại nhà; tổ chức các đợt khám bệnh, chữa bệnh lưu động của trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện tại thôn, bản theo định kỳ... nhằm tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

h) Bảo đảm đủ tiền lương và các chế độ, chính sách cho viên chức y tế cơ sở; phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản; kinh phí chi thường xuyên theo định mức quy định của tỉnh cho các hoạt động thường xuyên, hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu của trạm y tế.

i) Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích và tăng cường sự gắn kết giữa y tế tư nhân và y tế công lập trong cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu trên địa bàn. Cho phép các trạm y tế xã hợp tác với đơn vị tư nhân để thực hiện việc khám, chữa bệnh cho nhân dân.

### **5. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế cho y tế cơ sở**

a) Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao y đức, thực hiện quy chế dân chủ và quy tắc ứng xử, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

b) Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, cơ cấu phù hợp, đáp ứng nhiệm vụ theo Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị; bảo đảm tỷ lệ giữa bác sỹ và điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên theo quy định; nhân lực cho trạm y tế xã, phường, thị trấn để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu.

c) Tiếp tục đào tạo cán bộ y tế bằng nhiều hình thức để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho y tế cơ sở: Đào tạo bác sỹ, dược sỹ trình độ sau đại học (CKI, thạc sỹ) cho TTYT tuyến huyện, khuyến khích đào tạo bác sỹ chuyên khoa II; đào tạo theo hình thức chuyển giao gói kỹ thuật; đào tạo bác sỹ y học gia đình; đào tạo mới, đào tạo lại cho nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên các chương trình; đào tạo đạt chuẩn trình độ cao đẳng cho các chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV theo quy định. Đào tạo liên tục đạt ít nhất 48 giờ trong 2 năm liên tục cho mỗi cán bộ y tế theo Thông tư số 22/2013/TT-BYT của Bộ Y tế.

d) Thực hiện chế độ luân phiên hai chiều phù hợp đối với y tế cơ sở với điều kiện của từng địa phương theo hướng từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên để tăng cường năng lực cho người hành nghề tại y tế cơ sở.

e) Nghiên cứu, đề xuất chủ trương để Tỉnh hợp đồng với một số trường đại học y trong nước tổ chức đào tạo bác sỹ nội trú theo địa chỉ cho y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện đối với một số chuyên ngành như cấp cứu, ngoại khoa, nội khoa, nhi khoa, sản khoa, ung bướu, nội tiết, tim mạch, huyết học... Tỉnh trả kinh phí đào tạo, cá nhân từng bác sỹ nội trú ký cam kết với tỉnh sau khi tốt nghiệp ra trường về làm việc lâu dài tại tỉnh.

## **6. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế, đẩy mạnh áp dụng khoa học, công nghệ**

a) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực y tế, hệ thống hỗ trợ y tế từ xa trong hội chẩn, hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật, tư vấn, đào tạo với các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương; nhất là các lĩnh vực y học cơ bản, y học kỹ thuật cao, y học lâm sàng, y tế cộng đồng, quản lý y tế.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ nước ngoài cho đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, phát triển kỹ thuật phòng bệnh, chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

## **7. Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế**

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế. Ngoài cung cấp các dịch vụ y tế ở mức độ cơ bản; được cung cấp các dịch vụ cao hơn, dịch vụ theo yêu cầu, đảm bảo công khai, minh bạch.

Tăng cường thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thuốc, trang thiết bị và mỹ phẩm tại tuyến huyện.

Có cơ chế về vốn, tín dụng đầu tư để khuyến khích các TTYT tuyến huyện, vay vốn ngân hàng để đầu tư cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị y tế nhằm phát triển chuyên môn kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

## **8. Phát triển hệ thống thông tin y tế, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe**

a) Tăng cường công tác giáo dục, thông tin truyền thông các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về y tế; nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng chống bệnh tật, rèn luyện thân thể, vệ sinh phòng bệnh, vệ sinh môi trường, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe. Xây dựng ý thức cộng đồng tự giác giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Xây dựng cơ chế phối hợp, xác định trách nhiệm cụ thể trong công tác truyền thông giữa Ngành Y tế và các sở, ngành, chính quyền các cấp, các cơ quan báo chí để thực hiện tốt công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân trên địa bàn tỉnh.

## **9. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đối với công tác y tế**

a) Đẩy mạnh sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, xác định trách nhiệm, nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Tích cực vận động, khuyến khích hội viên, đoàn viên thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào và chương trình mục tiêu nhằm nâng cao sức khỏe, chất lượng cuộc sống cho người dân tại gia đình, cộng đồng, khu dân cư.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

##### **1. Giai đoạn 2018-2020**

1.1. Tổng số: 830,712 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư xây dựng cơ vật chất kỹ thuật: 520,0 tỷ đồng.
- Đầu tư trang thiết bị y tế: 288,0 tỷ đồng.
- Đào tạo: 22,712 tỷ đồng.

1.2. Nguồn vốn:

- Nguồn ngân sách tỉnh: 442,712 tỷ đồng (không bao gồm kinh phí dự kiến đầu tư các dự án đã có trong Kế hoạch số 2977/KH-UBND).

Kinh phí đầu tư các dự án đã có trong Kế hoạch số 2977/KH-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy và Đề án số 4275/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phát triển sự nghiệp y tế giai đoạn 2016-2020 (chưa được bố trí vốn), gồm:

+ Dự án Trung tâm Y tế huyện Lập Thạch tạo cơ sở để thành lập Bệnh viện đa khoa khu vực Lập Thạch giai đoạn I: 60,0 tỷ.

+ Dự án Trung tâm Y tế huyện Tam Dương: 80,0 tỷ đồng.

+ Dự án Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên: 55,0 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của các TTYT tuyến huyện: 48,0 tỷ đồng.

- Nguồn xã hội hóa (100 GB và trang thiết bị y tế): 340,0 tỷ đồng.

##### **2. Giai đoạn 2021-2025**

2.1. Tổng số: 1.758,2 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư xây dựng cơ vật chất kỹ thuật: 950,0 tỷ đồng.
- Đầu tư trang thiết bị y tế: 590,0 tỷ đồng.
- Đào tạo: 18,2 tỷ đồng.

2.2. Nguồn kinh phí:

- Nguồn ngân sách tỉnh: 938,2 tỷ đồng (không bao gồm kinh phí dự kiến đầu tư các dự án đã có trong Kế hoạch số 2977/KH-UBND).

Kinh phí đầu tư các dự án đã có trong Kế hoạch số 2977/KH-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh, gồm:

Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa khu vực Lập Thạch giai đoạn II: 200,0 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển sự nghiệp của các TTYT tuyến huyện: 120,0 tỷ đồng.

- Nguồn xã hội hóa (200 GB và trang thiết bị y tế): 700,0 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2, 3, 4,5)*

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội và UBND cấp huyện tổ chức triển khai Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu giúp UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung một số quy định, chính sách về phát triển Y tế cơ sở phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn phát triển (trong đó có chính sách xã hội hóa các hoạt động y tế, y tế cơ sở); tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự chỉ đạo của Bộ Y tế về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật phục vụ cho công tác phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh theo nội dung của Kế hoạch này.

- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Y tế, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch này.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về xây dựng và phát triển mạng lưới Y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của tỉnh. Trong đó, ưu tiên bố trí ngân sách tỉnh để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế thực hiện đạt các chỉ tiêu về đổi mới hệ thống y tế cơ sở.

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu giúp UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cơ chế chính sách xã hội hóa các hoạt động y tế, để huy động các nguồn lực đầu tư cho y tế cơ sở.

### **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế căn cứ khả năng ngân sách tỉnh hàng năm, bố trí ngân sách để thực hiện các hoạt động các đề án, dự án, hoạt động về xây dựng và phát triển mạng lưới Y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện các đề án, dự án, hoạt động về xây dựng và phát triển mạng lưới Y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh.



- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai cơ chế tự chủ về tài chính đối với TTYT tuyến huyện (khối khám chữa bệnh); chính sách xã hội hóa các hoạt động y tế.

#### **4. Sở Nội vụ**

Phối hợp Sở Y tế điều chỉnh, bổ sung mạng lưới y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh và bố trí đủ cán bộ hoạt động tại tuyến Y tế cơ sở; tham mưu triển khai chính sách thu hút cán bộ có trình độ cao đặc biệt là bác sỹ về công tác tại tuyến y tế cơ sở. Phối hợp Sở Y tế trong công tác đào tạo nguồn nhân lực cho tuyến Y tế cơ sở.

#### **5. Bảo hiểm xã hội tỉnh**

- Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh đạt chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh BHYT; cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác giám định trong khám chữa bệnh BHYT ở tuyến y tế cơ sở.

- Thực hiện thanh toán chi phí BHYT theo gói dịch vụ y tế cơ bản tại tuyến y tế cơ sở; thanh toán chi phí dịch vụ cho bác sỹ gia đình, trạm Y tế khi chăm sóc sức khỏe cho người bệnh có thẻ BHYT tại gia đình theo hướng dẫn của Trung ương.

#### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tăng cường thông tin tuyên truyền về công tác xây dựng và phát triển mạng lưới Y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh. Chú trọng tuyên truyền đến từng người dân nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu trên địa bàn, giảm tải bệnh viện; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nội dung kế hoạch này.

#### **6. Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh & Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh**

Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

#### **7. Các sở, ban, ngành, các cơ quan và tổ chức liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế để triển khai thực hiện kế hoạch này.

#### **8. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch này. Hàng năm, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới của huyện, thành phố đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong cùng thời kỳ.

- Chủ động, tích cực huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này với các Kế hoạch khác có liên quan trên địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch tại địa phương; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm trên địa bàn gửi Sở Y tế tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh.

#### **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên**

- Tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia thực hiện kế hoạch, hỗ trợ Ngành Y tế tổ chức triển khai các nội dung trên đạt hiệu quả tại tuyến y tế cơ sở.

- Tăng cường công tác giám sát đề đề xuất các nội dung trên, triển khai hiệu quả ở tuyến y tế cơ sở.

**10. Các cơ quan, doanh nghiệp chuyên ngành y, dược:** Các cơ quan, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y, dược căn cứ vào Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, của ngành.

*(Chi tiết tại Phụ lục 6)*

Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2025. Các văn bản dẫn chiếu nêu trong kế hoạch này thay đổi thì thực hiện theo Văn bản mới có hiệu lực.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Y tế (để b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- CPCT, CPVP;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Các sở, ban, ngành; các Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, VX1 (Tr56 b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Việt Văn**



**Phụ lục 1. CHỈ TIÊU DANH MỤC KỸ THUẬT THỰC HIỆN ĐƯỢC THEO PHÂN TUYỂN  
TẠI CÁC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2018-2025**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 6831/KH-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh)

STT	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2025	
		Đúng tuyển (%)	Vượt tuyển (%)	Đúng tuyển (%)	Vượt tuyển (%)	Đúng tuyển (%)	Vượt tuyển (%)	Đúng tuyển (%)	Vượt tuyển (%)
I	<b>Tuyển huyện</b>	62,1	5,7	74,1	9,1	83,6	11,4	90	19,1
1	TTYT thành phố Vinh Yên	42	1	65	5	81	7	90	15
2	TTYT thành phố Phúc Yên	51	4	73	6	81	9	90	15
3	TYTT huyện Vinh Tường	92	10	93	14	96	16	90	31
4	TTYT huyện Yên Lạc	81	16	84	18	90	20	90	25
5	TTYT huyện Tam Dương	58	13	74	16	81	18	90	23
6	TTYT huyện Tam Đảo	48	2	73	5	81	7	90	15
7	TTYT huyện Lập Thạch	61	1	72	6	81	9	90	17
8	TTYT huyện Sông Lô	60	2	71	5	81	7	90	15
9	TTYT huyện Bình Xuyên	66	2	72	7	81	10	90	16
II	<b>Tuyển xã</b>								
	Trạm y tế xã, phường, thị trấn Vùng 3	82		83		84		90	

62

**Phụ lục 2. TỔNG HỢP NHU CẦU ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CÁC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, THÀNH PHỐ  
GIAI ĐOẠN 2018-2025**

(Kèm theo Kế hoạch số : 683/L KH-UBND ngày 10/19/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

DVT: tỷ đồng

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2019-2020	Vốn đã bố trí trong KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020	Trong đó, nhu cầu đầu tư 2019-2020	
					Năm 2019	Năm 2020
	<b>Giai đoạn 2018-2020 (I+II)</b>	<b>520,0</b>	<b>520,0</b>			
<b>I</b>	<b>Công trình đề nghị bổ sung nguồn vốn chi thường xuyên và nguồn vốn khác</b>	<b>220,0</b>	<b>220,0</b>	<b>0,0</b>	<b>75,0</b>	<b>145,0</b>
1	Dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp TTYT huyện Yên Lạc giai đoạn I	55,0	55,0		25,0	30,0
2	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Tường giai đoạn IV	165,0	165,0		50,0	115,0
<b>II</b>	<b>Nguồn xã hội hóa: liên doanh, liên kết; vay vốn ngân hàng...(100GB)</b>	<b>300,0</b>	<b>300,0</b>		<b>50,0</b>	<b>250,0</b>
<b>B</b>	<b>Giai đoạn 2021-2025 (II+II)</b>	<b>1.150</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn đầu tư công</b>	<b>650</b>				
1	Dự án TTYT thị xã Phúc Yên giai đoạn II	150				
2	Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo giai đoạn III	160				
3	Trung tâm Y tế huyện Tam Dương giai đoạn II	100				
4	Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên giai đoạn II	110				
5	Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc giai đoạn II	50				
6	Cải tạo, nâng cấp các trung tâm y tế huyện còn lại	30				
7	Duy tu sửa chữa các trạm y tế xã để duy trì chuẩn quốc gia y tế xã	50				
<b>II</b>	<b>Nguồn xã hội hóa</b>	<b>500</b>				
	- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật để khám chữa bệnh theo yêu cầu; các bệnh viện ngoài công lập (200GB)	500				
	<b>Tổng cộng giai đoạn 2018-2025</b>	<b>1.670,0</b>				

Phụ lục 3. **TỔNG HỢP NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHO CÁC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
**GIẢI ĐOẠN 2018-2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: 6831/KH-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Bảng 1. Tổng hợp nhu cầu đầu tư

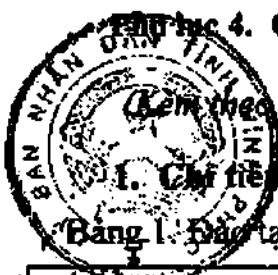
DVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Giải đoạn 2018-2020				Giải đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Tổng cộng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	Nguồn ngân sách nhà nước tỉnh	200,0	53,180	79,32	67,5	270,0	Chi tiết tại Bảng 2
2	Nguồn Quỹ phát triển sự nghiệp các đơn vị	48,0	15,0	16,0	17,0	120,0	
3	Nguồn xã hội hóa	40,0	25,0	30,0	40,0	200,0	
	<b>Cộng</b>	<b>288,0</b>	<b>93,2</b>	<b>125,3</b>	<b>124,5</b>	<b>590,0</b>	

Bảng 2. Tổng hợp nhu cầu đầu tư theo TTYT huyện, thành phố

DVT: Tỷ đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng kinh phí	NSNN cấp giải đoạn 2018-2020				Nguồn thu của đơn vị	Nguồn XPHH
			Tổng NSNN cấp	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020		
1	TTYT huyện Bình Xuyên	28,8	20,2	4,88	7,32	8,00	4,6	4,0
2	TTYT huyện Lập Thạch	28,773	20,0	5,0	8,0	7,0	4,8	3,97
3	TTYT huyện Tam Dương	31,23	21,8	3,8	11,0	7,0	6,5	2,93
4	TTYT huyện Sông Lô	36,0	29,0	21,0	4,0	4,0	4,0	3,0
5	TTYT huyện Vĩnh Tường	53,363	29,0	6,0	15,0	8,0	10,2	14,16
6	TTYT huyện Yên Lạc	38,184	28,0	6,0	12,0	10,0	6,3	3,88
7	TTYT huyện Tam Đảo	24,5	18,0	3,0	7,0	8,0	3,5	3,0
8	TTYT TP. Vĩnh Yên	22,8	17,0	2,0	8,0	7,0	3,4	2,4
9	TTYT TP. Phúc Yên	24,35	17,0	1,5	7,0	8,5	4,7	2,65
	<b>Cộng</b>	<b>288,0</b>	<b>200,0</b>	<b>53,18</b>	<b>79,32</b>	<b>67,5</b>	<b>48,0</b>	<b>40,0</b>



**Phụ lục 4. CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO BÁC SĨ TRÌNH ĐỘ CAO TUYẾN HUYỆN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020 VÀ 2021-2025**

*Kế hoạch số 631/KH-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh*

**I. Chỉ tiêu đào tạo giai đoạn 2018-2020**

**Bảng 1. Đào tạo Bác sỹ CKII giai đoạn đến 2020:**

TT	Đơn vị	Nhu cầu cần	Số đang học CKII	Chỉ tiêu đào tạo	Giai đoạn 2018-2020		
					Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	TTYT Vinh Tường	12		12	4	4	4
2	TTYT Lập Thạch	10		10	4	3	3
3	TTYT Yên Lạc	8		8	3	2	3
4	TTYT Tam Dương	8		8	3	2	3
5	TTYT Bình Xuyên	6		6	2	2	2
6	TTYT Sông Lô	6		6	2	2	2
7	TTYT Tam Đảo	5		5	1	2	2
8	TTYT Vĩnh Yên	5		5	1	2	2
9	TTYT Phúc Yên	4		4	1	1	2
	<b>Tổng:</b>	<b>60</b>		<b>60</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>23</b>

**Ghi chú:** Khuyến khích đào tạo Bác sỹ chuyên khoa II. Dự kiến kinh phí 0,598 tỷ đồng.  
**Bảng 2. Đào tạo Bác sỹ CK.I, thạc sỹ và chuyển giao gói kỹ thuật giai đoạn đến 2020:**

TT	Đơn vị	Nhu cầu cần	Số đang học CKI	Chỉ tiêu đào tạo	Giai đoạn 2018-2020		
					2018	2019	2020
1	TTYT Vinh Tường	19		19	6	6	7
2	TTYT Lập Thạch	17		17	5	6	6
3	TTYT Yên Lạc	9		9	3	3	3
4	TTYT Tam Dương	12		12	4	4	4
5	TTYT Bình Xuyên	9		9	3	3	3
6	TTYT Sông Lô	8		8	2	3	3
7	TTYT Tam Đảo	9		9	3	3	3
8	TTYT Vĩnh Yên	6		6	2	2	2
9	TTYT Phúc Yên	9		9	3	3	3
	<b>Tổng:</b>	<b>98</b>		<b>98</b>	<b>31</b>	<b>33</b>	<b>34</b>
	<b>Kinh phí đào tạo:</b>	<b>Dự kiến 143 triệu/người x 98 người = 14,014 tỷ đồng</b>					
	<b>Kinh phí chuyển giao gói kỹ thuật:</b>	<b>Dự kiến: 5 gói/đơn vị/năm x 3 năm x 9 đơn vị x BQ 60 triệu/gói= 8,1 tỷ đồng.</b>					

*le*

## 2. Chỉ tiêu đào tạo giai đoạn 2021-2025

Bảng 3. Đào tạo Bác sỹ CKII giai đoạn đến 2021-2025:

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu đào tạo	Giai đoạn 2021-2025				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	TTYT Vĩnh Tường	5	1	1	1	1	1
2	TTYT Lập Thạch	4	1	1	1	1	
3	TTYT Yên Lạc	3	1		1		1
4	TTYT Tam Dương	3	1	1		1	
5	TTYT Bình Xuyên	2	1		1		
6	TTYT Sông Lô	2		1			1
7	TTYT Tam Đảo	2		1		1	
8	TTYT Vĩnh Yên	2				1	1
9	TTYT Phúc Yên	2			1		1
	<b>Tổng:</b>	<b>25</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>

Ghi chú: Khuyến khích đào tạo Bác sỹ chuyên khoa II. Dự kiến kinh phí 0,250 tỷ đồng.

Bảng 4. Đào tạo Bác sỹ CK I, thạc sỹ và chuyển giao gói kỹ thuật giai đoạn đến 2021-2025:

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu đào tạo	Giai đoạn 2021-2025				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	TTYT Vĩnh Tường	10	2	2	2	2	2
2	TTYT Lập Thạch	8	2	2	2	1	1
3	TTYT Yên Lạc	6	2	1	1	1	1
4	TTYT Tam Dương	6	1	2	1	1	1
5	TTYT Bình Xuyên	4	1	1	1	1	
6	TTYT Sông Lô	4	1	1	1		1
7	TTYT Tam Đảo	4	1	1		1	1
8	TTYT Vĩnh Yên	4	1		1		1
9	TTYT Phúc Yên	4	1	1		1	
	<b>Tổng:</b>	<b>50</b>	<b>12</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
	<b>Kinh phí đào tạo:</b>	Dự kiến 143 triệu/người x 50 người = 7,150 tỷ đồng					
	<b>Kinh phí chuyển giao gói kỹ thuật:</b>	Dự kiến: 4 gói/đơn vị/năm x 5 năm x 9 đơn vị x BQ 60 triệu/gói=10,8 tỷ đồng.					

**Phụ lục 5. BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU CẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ Y TẾ, ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO TUYẾN Y TẾ CƠ SỞ**



(Kèm theo Kế hoạch số: **621**/KH-UBND ngày **17**/9/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Giai đoạn 2018-2020	Giai đoạn 2021-2025	Tổng cộng giai đoạn 2018-2025
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách nhà nước cấp</b>	<b>442,712</b>	<b>938,2</b>	<b>1.380,912</b>
	- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật	220,0	650,0	870,0
	- Đầu tư trang thiết bị y tế	200,0	270,0	470,0
	- Đào tạo	22,712	18,2	40,912
<b>II</b>	<b>Nguồn Quỹ phát triển sự nghiệp các TTYT huyện, thành phố</b>	<b>48,0</b>	<b>120,0</b>	<b>168,0</b>
	- Đầu tư trang thiết bị y tế	48,0	120,0	168,0
<b>III</b>	<b>Nguồn Xã hội hóa</b>	<b>340,0</b>	<b>700,0</b>	<b>1.040,0</b>
	- Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật	300,0	500,0	800,0
	- Đầu tư trang thiết bị y tế	40,0	200,0	240,0
	<b>Cộng</b>	<b>830,712</b>	<b>1.758,200</b>	<b>2.588,912</b>

14





## Phụ lục 6. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Kế hoạch số: 03/KH-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Đơn vị chủ trì/tham mưu thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Chi tiêu của Kế hoạch	Sở Y tế	Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND cấp huyện	2018
2	Củng cố, hoàn thiện tổ chức của mạng lưới y tế cơ sở	Sở Y tế	Ủy ban nhân dân cấp huyện	2018-2019
3	Triển khai các hoạt động chuyên môn để phát triển y tế cơ sở	Sở Y tế	Ủy ban nhân dân cấp huyện	2018-2025
4	Phát huy vai trò của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các Đoàn thể trong phát triển y tế cơ sở	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Y tế, và các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan	2018-2025
5	Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ và các hoạt động của y tế cơ sở vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư (chi tiêu KH-XH ở tỉnh) - UBND cấp huyện (chi tiêu KT-CH ở huyện)	Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan	Hàng năm
6	Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan; các đơn vị y tế	Hàng năm
7	Hoàn thành lộ trình BHYT toàn dân	BHXH tỉnh	Sở Y tế, UBND cấp huyện, các sở, ngành, tổ chức đoàn thể	2018-2020

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Đơn vị chủ trì/tham mưu thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
8	Triển khai thực hiện chi trả chi phí khám, chữa bệnh đối với người có thẻ BHYT theo quy định của gói dịch vụ y tế cơ bản	BHXH tỉnh	Sở Y tế; các đơn vị y tế	Hàng năm
9	Đảm bảo nguồn kinh phí hàng năm cho hoạt động y tế dự phòng tại y tế tuyến cơ sở	Sở Tài chính	Sở Y tế, UBND cấp huyện	Hàng năm
10	Đầu tư để hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho y tế tuyến cơ sở	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Y tế, UBND cấp huyện, các đơn vị y tế	Hàng năm
11	Tham mưu lộ trình, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với TTYT huyện	Sở Y tế, Sở Tài chính	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ và các sở, ngành liên quan	2018
12	Tham mưu trình UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh cơ chế xã hội hóa các hoạt động y tế	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	Tháng 6/2019
13	Định kỳ hàng năm thực hiện sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Sở Y tế	Sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Hàng năm
14	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch	Sở Y tế, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan	Hàng năm